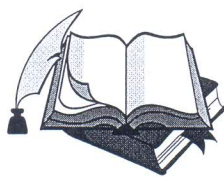


VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO



**BỘ ĐỀ THI KIỂM SÁT VIÊN GIỎI
PHẦN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ
VÀ KIỂM SÁT HÌNH SỰ**

HÀ NỘI, NĂM 2012

PHẦN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA

Câu 1

Hồi 9h, ngày 23/6/2011, Nguyễn Mạnh H (sn 1986), trú tại xã P, huyện T, tỉnh H đến cửa hàng của anh Nguyễn Văn T ở khu chợ xe máy phố C lấy trộm một chiếc xe máy loại HONDA, khi H vừa nổ máy đi được khoảng 200m thì bị Công an phường V, quận G, Tỉnh H bắt quả tang và thu giữ tang vật. Tại Công an phường V, Nguyễn Mạnh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên cùng ngày Công an phường V đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh T quản lý sử dụng.

Qua điều tra mở rộng vụ án H còn khai nhận ngoài hành vi nêu trên, ngày 20/6/2011 H và Nguyễn Mạnh Q (sinh năm 1980) người ở cùng xã với H, còn trộm cắp của một người khách đi trên xe Bus một chiếc cặp số bên trong có 20.000.000 đồng, một chiếc máy tính xách tay và một bọc nilông màu đen. H và Q chia nhau mỗi người 10.000.000 đồng, chiếc máy tính xách tay H đưa Q cất giữ, còn bọc nilông màu đen H vứt bỏ ở gần nhà, rồi cả 2 về nhà nghỉ. Sau khi H về, nghĩ bên trong bọc nilông là thuốc phiện nên Q quay lại mang về nhà cất giấu.

Căn cứ vào lời khai của H, ngày 24/6/2011 Công an phường V tiến hành bắt và khám xét nơi ở của Nguyễn Mạnh Q, qua khám xét đã thu giữ được số tang vật trên.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết:

1. Là Kiểm sát viên được giao thụ lý giải quyết vụ việc trên, anh (chị) phải làm gì?
2. Với những tình tiết nêu trên thì Nguyễn Văn H và Nguyễn Mạnh Q có dấu hiệu phạm tội gì? Tại sao?

Câu 2

Ngày 04/02/2011 Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn D, Trần Văn B và Trần Xuân C đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài lá thì bị bắt quả tang với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.950.000 đồng. Qua điều tra còn

xác định được ngày 02/02/2011 A, B, C, D còn đánh bạc với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.500.000 đồng.

Với tình huống trên có hai quan điểm giải quyết là:

1. Các đối tượng A, B, C, D phạm tội đánh bạc được quy định tại Điều 248 BLHS vì tổng số tiền dùng để đánh bạc để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự được xác định là tổng số tiền trong hai lần đánh bạc.

2. Các đối tượng A, B, C, D không phạm tội đánh bạc được quy định tại Điều 248 BLHS vì tổng số tiền dùng để đánh bạc để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự được xác định là tổng số tiền trong từng lần đánh bạc.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết quan điểm nào nêu trên là quan điểm đúng? Vì sao?

Câu 3

Do thường xuyên bị mất trộm hoa quả (cam, bưởi...) trong vườn nhà mình nên Tạ Minh C đã dùng dây kim loại trần mắc quanh vườn nhà mình và nối với điện sinh hoạt nhằm ngăn chặn sự xâm nhập từ bên ngoài vào. Mỗi góc vườn Tạ Minh C có treo biển cảnh báo nguy hiểm và thông báo với hàng xóm xung quanh. Ngày 04/5/2010, chị Hoàng Thị H đang có thai 2 tháng tuổi ở xã bên cạnh đi đánh bắt cua, cá. Khi đến sát vườn nhà Tạ Minh C thì bị điện giật chết do chạm vào dây điện mà Tạ Minh C giăng ở quanh vườn.

Hỏi: Với tình huống nêu trên thì Tạ Minh C có phạm tội không? Nếu có, thì phạm tội gì, theo điều khoản nào của BLHS? Tại sao?

Câu 4

Nguyễn Văn T, 37 tuổi đã có vợ và 2 con khi đi làm thuê tại xã X gặp và quen biết với chị Nguyễn Thị M 18 tuổi sau đó cùng chị M chung sống như vợ chồng. Khi biết chuyện, chị Nguyễn Thị B là vợ T đã nhiều lần khuyên ngăn chồng nhưng anh T không đồng ý, vì vậy chị B đã tự sát nhưng được mọi người cấp cứu kịp thời nên không chết.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết trong tình huống nêu trên có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T hay không? Nếu có thì truy cứu về tội gì? Vì sao?

Câu 5

Vào khoảng 14h ngày 11/6/2011, anh Hoàng Văn A bị hỏng xe máy giữa đường nên dừng lại sửa. Nguyễn Văn D đi ngang qua thấy vậy liền sửa giúp. Anh A và D sửa một lúc thì xe nổ máy được, khi anh A đang buộc hành lý vào sau xe thì D ngồi lên xe máy và nảy sinh ý định chiếm đoạt nên Nguyễn Văn D đã vào số và đi thẳng.

Hỏi: Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn D phạm tội gì? Vì sao?

Câu 6

Ngày 12/02/2012 Lê Văn H sinh ngày 04/3/1997 nhờ Lê Thanh N sinh ngày 06/3/1988 là người quen mua hộ một chiếc xe máy với giá rẻ. Lê Thanh N bảo H mua xe của các đối tượng trộm cắp được sẽ rất rẻ và bàn với H về việc góp tiền mua xe máy để sử dụng chung, H đồng ý. Ngày 11/3/2012, N tìm được xe máy và bảo H đến để xem. Cùng ngày H và N đến gặp Nguyễn Văn T sinh ngày 9/4/1989, T nói với H, N đây là xe T trộm cắp được nên bán rẻ, không mặc cả. Sau khi kiểm tra thấy chiếc xe đó vẫn còn tốt Lê Thanh N, Lê Văn H đã đồng ý mua chiếc xe máy với giá 3 triệu đồng. Sau khi mua xe về H kể cho Nguyễn Mạnh V sinh ngày 12/6/1991 nghe và V cho H chiếc biển số xe giả để H gắn vào xe sử dụng. Ngày 03/5/2012 khi H đang sử dụng chiếc xe trên thì bị chị Đào Thị D phát hiện là xe của chị D bị trộm cắp nên đã trình báo Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra H, N, V, T khai nhận hành vi như đã nêu trên. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã xác định chiếc xe máy trên có trị giá 10 triệu đồng.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết với tình huống nêu trên có những ai phạm tội và phạm tội gì? Tại sao?

Câu 7

Đỗ Văn A sinh 11 tháng 7 năm 1989, thực hiện hành vi cướp giật tài sản vào ngày 25/11/2004 nên bị tòa án xử phạt 3 năm tù. Sau 2 năm kể từ ngày A chấp hành xong bản án trên, A tiếp tục phạm tội “cố ý gây thương tích” bị Tòa án xử phạt 9 tháng cải tạo không giam giữ. Sau 2 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án cải tạo không giam giữ, Đỗ Văn A lại rủ Trần Văn C (14 tuổi) trộm cắp tài sản trị giá 220 triệu đồng.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết Đỗ Văn A và Trần Văn C phạm tội gì với những tình tiết tăng nặng nào? Vì sao?

Câu 8

Nguyễn Văn A (19 tuổi), Hoàng Thế E (17 tuổi), Đinh Khắc K (15 tuổi) và Trần Văn B (18 tuổi) rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn A dùng xe máy chở Trần Văn B; Hoàng Thế E dùng xe máy chở Đinh Khắc K đến đầu khu tập thể X thì dừng lại. A, E đứng chờ ở ngoài với mục đích nếu B, K lấy được tài sản thì chở B, K tẩu thoát còn B, K vào trong khu tập thể xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, E phân công B đi ở dãy 1 còn K đi ở dãy 2 còn E và A sẽ đứng ngoài canh giới. Chờ khoảng 30 phút vẫn không thấy B, K đi ra nên E bảo với A ở lại chờ B, K. Ngay sau đó E bỏ về trước. Khi K lấy được 01 máy tính xách tay của chị H có trị giá 15 triệu đồng vừa ra đến cửa thì bị phát hiện bắt quả tang. Thấy vậy, B quay ra chỗ A đứng và cùng A đi về.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết trong tình huống trên A, E, B, K có phạm tội hay không? Vì sao?

Câu 9

Nguyễn Trọng B là người hay rượu chè, không chịu làm ăn. Ngày 22/4/2011 Nguyễn Trọng B đi uống rượu say về do có mâu thuẫn từ trước nên đã xông vào bếp dùng tay túm tóc và đấm đá chị Lê Thu D (là vợ của B) túi bụi. Chị D có đánh trả nhưng do sức yếu nên bị chồng ghì chặt dưới đất. Bị B đấm liên tiếp vào người và mặt. Chị D đã lấy hết sức co chân đạp mạnh đẩy B ngã, ngay sau đó chị D cầm nồi nước sôi đang đun trên bếp đổ vào người chồng. Anh B được mọi người đưa đi cấp cứu. Qua điều tra xác định anh B bị tổn hại sức khỏe với tỷ lệ thương tật là 54%.

Hỏi: Trong tình huống nêu trên thì Lê Thu D có phạm tội không? Phạm tội gì? Vì sao?

Câu 10

Nguyễn Đắc C sinh ngày 21/5/1996, Phạm Văn D sinh ngày 16/9/1992, Trần Văn E sinh ngày 17/4/1991 đã có sự bàn bạc, nghiên cứu kỹ để cùng nhau đột nhập vào nhà anh Đào Văn H để trộm cắp tài sản. Khoảng 9h ngày 15/3/2011 C, D, E đã đột nhập vào nhà anh H, sau 10 phút lục soát nhưng không phát hiện được tài sản gì có giá trị thì E nói với C và D “không có gì đâu”, “về thôi không ông H sắp đi làm về rồi”, “tao về trước đây”. Nói xong E trèo qua tường nhà anh H bỏ về trước. Khi E đã về, C bảo D cùng xuống bếp lục soát thì phát hiện có một bọc tiền trị giá 60 triệu đồng được cất trong cốt thóc, C liền cầm số tiền này bỏ vào trong người, sau đó cùng D đi ra góc vườn để trèo tường ra ngoài. Khi Phạm Văn D dẫm lên vai C trèo lên bờ tường và chuẩn bị kéo C lên trên tường thì anh H đi làm về phát hiện và hô hoán mọi người. Thấy vậy, Phạm Văn D nhảy xuống đường và chạy thoát. Nguyễn Đắc C chạy vào trong bếp nhà anh H lấy 01 dao bầu cầm ở tay phải, bỏ cọc tiền vào trong người. Khi anh H và mọi người mở cửa vào nhà thì thấy C tay cầm dao nói “để cho tôi đi nếu ai cản trở tôi sẽ chém chết”, anh H vẫn xông vào túm C đồng thời phát hiện và giằng lại bọc tiền trong người C, lúc này C giơ dao lên dọa chém, thấy vậy anh H buông C ra và lùi lại để C chạy thoát và mang theo 60 triệu đồng.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết trong tình huống nêu trên Nguyễn Đắc C, Phạm Văn D, Trần Văn E phạm tội gì? Tại sao?

Câu 11

Ngày 22/5/2011, ông Nguyễn Hoàng K (giám đốc Công ty A) mua cá tra của ông H với giá 28.000 đồng/kg; để vận chuyển cá về, ông K có thuê Tổng Minh X (sinh năm 1980) vận chuyển cá từ hầm cá của ông H về Công ty A với giá 630 đồng/kg và hình thức giao nhận là: X có trách nhiệm nhận số cá từ chủ ao, khi về Công ty giao lại đủ số lượng thực nhận tại ao. Các chi phí khác do X chịu (hợp đồng miệng).

Sau khi được ông K thuê vận chuyển cá, X nảy sinh ý định chiếm đoạt một phần số lượng cá bằng cách làm giảm trọng lượng khi cân tại ao cá, để sau khi giao cá lại Công ty nhằm chiếm đoạt phần chênh lệch.

Để thực hiện ý đồ, ngày 23/5/2011, X gọi điện thoại cho Phan Việt C (sinh năm 1982) và bàn bạc với C cách thức làm giảm mã cân; tiếp đó C điện thoại cho Nguyễn Hữu V (sinh năm 1983). Cả ba thống nhất mỗi mã 80kg cá sẽ gian lận từ 4kg đến 5kg. Sau khi bàn bạc thống nhất, vào khoảng 13h ngày 24/5/2011, X, C và V đi xe đến hầm cá của ông H ở huyện P để cân cá. Tại đây, C đưa thanh kim loại tự chế cho V để chèn vào lò so cân ; còn C đi tìm vũng nằm nghỉ. X thì ngồi ghi sổ. Trong quá trình cân, đến sọt thứ 84 (mã cân 84) thì gia đình nhà ông H phát hiện, bắt quả tang các đối tượng cùng vật chứng và đưa đến Công an huyện P để giải quyết.

Qua điều tra xác định, X, V và C đã cân gian lận 83 sọt, với tổng số lượng cá gian lận là 448 kg. Hội đồng định giá tài sản đã định giá số cá mà X và đồng bọn đã chiếm đoạt của ông H là 12.544.000 đồng.

Hỏi: Với tình huống nêu trên anh (chị) hãy cho biết, những ai phạm tội, phạm tội gì? Vì sao?

Câu 12

Cửa hàng Kinh doanh Tổng hợp Y là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Vật tư Nông sản X (do ông Nguyễn Tiến D làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc), là đơn vị hạch toán phụ thuộc có chức năng, nhiệm vụ kinh doanh các mặt hàng đã được cơ quan chức năng cấp phép cho Công ty TNHH Vật tư Nông sản X.

Ngày 02/01/2007, ông Nguyễn Tiến D – Tổng giám đốc ký giấy ủy quyền số 01/UQ, ủy quyền cho Nguyễn Văn H – Trưởng cửa hàng Kinh doanh Tổng hợp Y được ký các hợp đồng kinh tế mua bán hàng hoá và dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thời gian từ ngày 02/01/2007 đến 31/12/2007.

Do có ý định chiếm đoạt tài sản, ngày 16/4/2007, Nguyễn Văn H đã làm giả một bộ hồ sơ đề xuất với Giám đốc Công ty TNHH Vật tư Nông sản X phương án kinh doanh mua 07 máy phát điện về Cửa hàng Văn Điển để bán, Ông Nguyễn Tiến D đã đồng ý cho thực hiện phương án ký Hợp đồng kinh tế số 35 ngày 16/04/2007 với Công ty Cổ phần E do bà Nguyễn Mạnh K - Giám đốc đại diện (thực tế Công ty Cổ phần E không có ai là giám đốc tên K), mua 07 máy phát điện trị giá 5.800.000.000đ. Thực hiện hợp đồng, ngày

18/04/2007, Công ty TNHH Vật tư Nông sản X đã chuyển tiền đặt cọc bằng 20% giá trị hợp đồng với số tiền là 1.160.000.000đ vào tài khoản số 0047040600220660 là tài khoản cá nhân của Đinh Quang N làm chủ tài khoản (N là bạn H làm tại Công ty Cổ phần E) tại Ngân hàng V theo đề nghị của Nguyễn Văn H, nhưng sau đó Cửa hàng Kinh doanh Tổng hợp Y không nhận được số hàng trên và phát hiện hợp đồng mà Nguyễn Văn H ký là không có thật. Số tiền trên H đã nhờ N rút ra, sử dụng cá nhân và bỏ trốn. Công ty TNHH Vật tư Nông sản X đã làm đơn tố cáo H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công an về hành vi chiếm đoạt tiền của H.

Hỏi : Với những tình tiết nêu trên thì hành vi của Nguyễn Văn H có phạm tội không? Nếu có thì phạm tội gì? Vì sao?

Câu 13

Khoảng 13h00 ngày 18/3/2010, Đặng Văn Q cùng phụ xe là Vũ Văn T điều khiển xe ô tô BKS 16H-3576 đi theo hướng Hải Phòng - Nam Định, trên xe chở sắt cuộn và sắt cây. Đến khoảng 15h50 phút cùng ngày, xe chạy đến cầu Hòa Bình, thuộc địa phận thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, khu vực này mặt cầu trải nhựa phẳng rộng 20 mét, ở giữa có giải phân cách rộng 1,7m, cao 25 cm, lúc đó mật độ tham gia giao thông trên cầu ở mức trung bình. Khi xe đang chạy thì bỗng nhiên bị nổ 2 lốp bên phải, không đi được nên Q cho xe dừng lại trên dốc cầu Hòa Bình và ở lại trông xe, còn T đi tìm thợ sửa xe để thay lốp. Q đã bẻ 3 cành cây ở giải phân cách đặt cách phía sau xe khoảng 20m, lấy một thanh gỗ kích thước 10cm x 10cm, dài 2m đặt đè lên và bật tín hiệu hành trình của xe ô tô để cảnh báo nguy hiểm.

Đến khoảng 18h40' cùng ngày, Q và T cùng 3 bố con anh Hà Minh K là thợ sửa chữa ô tô đang tiến hành lắp lốp xe, thì có ông Phạm Công C, sinh năm 1954 điều khiển xe mô tô BKS 29K-8098 đi theo hướng cùng chiều với xe ô tô đã đâm vào cây sắt thò ra 1,2m phía sau xe ô tô, bánh trước xe mô tô đâm vào lốp sau bên trái xe ô tô, làm xe mô tô bị đổ, ông C ngã úp mặt xuống đường, bị thương nặng và được mọi người đưa đi cấp cứu nhưng do vết thương quá nặng nên đã tử vong.

Khám nghiệm hiện trường và phương tiện xác định:

- Vị trí của xe ô tô nằm lề bên phải làn xe thô sơ, từ trục trước bánh xe bên phải đến lan can cầu là 1,6m; trục sau bên phải đến lan can cầu là 2m, xe ô tô có kích thước chiều dài là 5,5m, chiều rộng là 2,5m, chiều cao là 2,9m.

- Vết va chạm lõp sau bên trái xe ô tô có dính tóc, máu dính trên thanh sắt thò ra.

- Mặt cầu tại vị trí xe ô tô đổ tính từ giải phân cách giữa còn rộng 5,5m.

- Xe máy bị hư hỏng nhẹ.

Hỏi: Với những tình tiết nêu trên theo anh (chị) Đặng Văn Q có phạm tội không? Nếu có thì phạm tội gì? Vì sao?

Câu 14

Khoảng 12h ngày 13/9/2011, Ngô Văn H (sinh năm 1966) điều khiển xe ô tô trộn bê tông BKS 43S-6991 đi trên đường T, khi đi đến khu vực dự án K thuộc địa phận tổ 46, phường H, quận N, Thành phố Đ thì phễu của thùng trộn bê tông (có chiều cao tính từ mặt đất trở lên là 3,83 m) vướng vào dây điện do Lê Duy T (sinh năm 1972) và Nguyễn Hữu C (sinh năm 1988) là người dân địa phương tự ý mắc dây điện ngang qua đường làm cho sợi dây điện bị đứt rơi lòng thòng xuống đường, đúng lúc đó chị Võ Thị N (sinh năm 1984) điều khiển xe mô tô BKS: 43H8-2357 đi trên đường, cùng chiều với Ngô Văn H, bị vướng vào dây điện nói trên làm cho chị N bị ngã xuống đường chấn thương sọ não, tử vong tại chỗ.

Theo Bản Kết luận giám định số 218/PY ngày 19/9/2011 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đ. Kết luận: Nạn nhân Võ Thị N tử vong do chấn thương sọ não: Vỡ lún hộp sọ, xuất huyết nội sọ.

Hỏi: Theo anh (chị) Lê Duy T và Nguyễn Hữu C có phạm tội không? Nếu có thì phạm tội gì? Vì sao?

Câu 15

Ông Trần Văn A là giám đốc một Công ty TNHH có nhập khẩu hàng và làm thủ tục nhận hàng tại Chi cục hải quan cửa khẩu X. Các nhân viên kiểm hóa là Nguyễn Thành D và Ngô Quang T được giao nhiệm vụ kiểm hóa lô hàng. Trong quá trình kiểm hóa, làm thủ tục hải quan, Nguyễn Thành D đã

lợi dụng nhiệm vụ được giao gây khó khăn để sách nhiễu, yêu cầu ông Trần Văn A phải đưa cho D 50 triệu đồng. Vì lo sợ nếu hàng bị giữ lại không giao đúng hẹn cho khách hàng sẽ bị phạt, ông A đã hứa hẹn với D và sẽ giao đủ số tiền 50 triệu đồng và đồng thời làm đơn tố cáo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H. Đến ngày 29/10/2007 Nguyễn Thành D gặp, làm việc với ông A và đã nhận 50 triệu đồng của ông A. Sau khi nhận 50 triệu đồng của ông A, sợ bị phát hiện Nguyễn Thành D đã mang số tiền trên đưa cho Ngô Quang T cất giữ và nói cho T biết về việc có được số tiền trên. Khi T vừa cất số tiền trên vào túi thì bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh H bắt quả tang cùng vật chứng.

Hỏi: Là Kiểm sát viên được giao thụ lý vụ án trên anh (chị) cho biết trong tình huống nêu trên những ai phạm tội, Phạm tội gì? Vì sao?

Câu 16

Nguyễn Văn S (SN: 1980) làm nghề lái xe taxi tại Hà Nội, S quen Hoàng Thu H (SN 1982) do H thường xuyên đi xe taxi của S theo tuyến Hà Nội - Lạng Sơn lấy hoặc chuyển hàng. Sau mỗi chuyến đi, H thường trả cước phí cao hơn giá quy định. Ngày 21/01/2009, H điện thoại cho S đến đón H ở trên đường X, Thành phố Hà Nội, rồi bảo S đưa lên thành phố Lạng Sơn. Khoảng 21h cùng ngày, S và H đi đến trung tâm thành phố Lạng Sơn, H kêu mệt nên nằm ở ghế sau xe ô tô của S và nhờ S gọi điện cho đối Trần Văn N để đưa cho N 01 chiếc túi xách màu đen (bên trong có 02 khối hình chữ nhật bọc kín). S gọi điện bảo N ra chỗ S đang đợi, N đi xe máy ra, S hạ kính xuống đưa cho N túi hàng. Ng mở túi xách ra, thấy bên trong túi xách có 02 khối hình chữ nhật bọc kín, Ng nói hàng xấu không tiêu thụ được và trả lại S. S chở H mang túi xách trên về Hà Nội. Về đến trước công nhà H (số 18 Đường X), H có nói với S rằng có 02 bánh heroin mang lên giao cho khách mà khách lại không nhận thì biết làm thế nào và nhờ S tìm môi bán hộ 02 bánh heroin này. S trả lời là ma túy nguy hiểm lắm nên S không muốn liên quan. Thấy S từ chối không bán hộ 02 bánh Heroin, H liền xuống xe và đi vào nhà. Khoảng 2 tháng sau H gặp lại S và kể cho S biết hai bánh heroin mà S chở H lên Lạng Sơn bán nhưng N không mua, H đã mang về đưa cho đàn em đi bán và bị Công an kiểm tra bắt quả tang tại đường Giảng Võ, Hà Nội.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết Nguyễn Văn S có phạm tội không? Nếu có thì phạm tội gì? Tại sao?

Câu 17

Ngày 20/02/2009, Nguyễn Quang T. (SN: 1979) từ Australia gọi điện về Việt Nam cho em vợ là Dương Nam X (SN: 1980) nói rằng bên Australia có người dùng thuốc Actified để sản xuất ma túy. T rủ X tìm mua thuốc Actified vận chuyển sang Australia bán cho các đối tượng sản xuất ma túy để kiếm lời, vì ở Việt Nam loại thuốc này được phép bán bình thường nhưng tại Australia thì bị cấm. Ngày 24/02/2009, X bay từ Hải Phòng vào TP. HCM gặp Tạ Văn Đ (SN: 1980) và Phùng Bảo N (SN: 1982), X nói với Đ và N việc muốn đi mua thuốc Actified với số lượng lớn giúp T và nói sẽ trả công 1.000.000đ/1kg (một triệu đồng một kg) bột thuốc Actified. Đ và N có hỏi X mua thuốc bột Actified để làm gì thì X trả lời là không biết chỉ thấy có khách đặt mua hộ. Ngày 26/02/2009, Nguyễn Quang T và Phan Đình M (SN: 1985) từ Australia bay về Việt Nam, rồi thuê phòng nghỉ ở khách sạn Q, TP. HCM. Ngày 27/6/2009, X, N và Đ đến gặp T và M ở khách sạn Q để bàn bạc tìm mua thuốc Actified. T và M đưa tiền cho N để N đi mua thuốc Actified. N đến Công ty dược liệu Z, ở TP. HCM mua của Công ty dược liệu Z, tổng số thuốc là 18.980 hộp với số tiền 682.582.000đồng.

Sau khi mua được thuốc, T, M, X bóc thuốc, xay thành bột đóng vào túi đựng bột mát xa rồi dùng máy ép nhựa mua tại Việt Nam ép kín miệng lại như mới với trọng lượng 01kg/một túi. Sau đó cả 5 người tiến hành gửi bột thuốc Actified đi Australia trong 02 chuyến:

Lần 1: Ngày 12/3/2009, T, Đ, M, X đến Công ty V, X lấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Đức Q mà X đã nhật được trước đó để đứng tên gửi 44 kg bột thuốc Actified kèm với các loại mỹ phẩm khác sang Australia, sau đó X bay về Hải Phòng không làm nữa.

Lần 2: Ngày 23/5/2009, T giao cho N 15 kg bột thuốc Actified để N gửi đi Australia qua công ty DHL, trong khi đang làm thủ tục gửi đi thì bị cơ quan Công an bắt giữ.

Tại bản kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - BCA kết luận: 15 kg bột thu giữ của Phùng Bảo N có thành phần Pseudoephedrine, trọng lượng Pseudoephedrine là 2,45 kg.

Hỏi: Theo anh (chị), Nguyễn Quang T, Phan Đình M, Dương Nam X, Tạ Văn Đ, Phùng Bảo N có phạm tội không? Nếu có thì phạm tội gì? Tại sao?

Câu 18

Khoảng 13h30' ngày 23/7/2009, Hoàng Thế M, Bùi Duy L, Nguyễn Thị H, Trần Thị Th và một số người nữa đến nhà Lê Bá Ng. Biết mọi người đến để đánh bạc, Ng lấy điện thoại di động gọi cho Hoàng Phúc S và nói: “lên nhà tao ngay đi”, S hiểu Ng gọi lên để sóc cái cho mọi người đánh bạc nên đi lên nhà Ng. Trước khi chơi, Ng bảo L khoá cửa chính lại, nếu có ai vào hoặc ra Ng bảo L mới được mở cửa. Sau đó, tất cả cùng ngồi tại nhà Ng để đánh bạc. Trong khi chơi, Ng bảo M thu tiền hồ của những người đánh bạc. M thu được 1.000.000 đồng cho vào một thùng các tông, sau đó tiếp tục đi lấy tiền của người thua trả cho người thắng sau mỗi ván. Đến khoảng 14h 20', Lê Bá Ng và những người tham gia đánh xóc đĩa (tổng cộng 17 người) bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A bắt quả tang về hành vi đánh bạc. Tang vật thu tại chiếu bạc gồm 37.100.000 đồng (tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), 01 bát men, 01 đĩa men đã vỡ, 04 quân làm bằng que nửa một mặt đen, một mặt trắng, 02 chặn nhung, 01 bát dứa, 02 bìa các tông có ghi các chữ số và một số tài sản khác.

Cơ quan điều tra Công an huyện A đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Bá Ng về tội Đánh bạc theo Điều 248 BLHS, tội Tổ chức đánh bạc và tội Gá bạc theo Điều 249 BLHS.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết, việc định tội danh của Cơ quan điều tra Công an huyện A đối với Lê Bá Ng là đúng hay sai? Vì sao?

Câu 19

Trong giai đoạn điều tra, trường hợp xét thấy có căn cứ để đình chỉ điều tra đối với bị can đang bị tạm giam thì cùng với việc ra quyết định đình chỉ điều tra, Cơ quan điều tra phải ra quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tạm giam để trả tự do cho bị can. Nhận định trên đúng hay sai? Tại sao?

Câu 20

Trong giai đoạn truy tố, khi nghiên cứu Biên bản định giá tài sản có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên phát hiện anh Ngô Thành X, một thành viên của Hội đồng định giá tài sản có cháu ruột là Nguyễn Lan Y đang tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Cơ quan điều tra đã sử dụng nội dung trong Biên bản định giá tài sản này làm chứng cứ, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được để ra bản Kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát truy tố đối với bị can.

Hỏi: Anh (chị) cho biết, việc Cơ quan điều tra sử dụng nội dung trong Biên bản định giá tài sản trên làm chứng cứ để giải quyết vụ án là đúng hay sai? Tại sao?

Câu 21

Khoảng 9 giờ ngày 28/7/2011, Đinh Tiến G đột nhập vào nhà anh Võ Đình M trộm cắp được 300 USD và một số nữ trang được làm từ đá quý thì bị bắt quả tang. Cơ quan điều tra đã trưng cầu Công ty vàng bạc đá quý thành phố H xác định chất lượng và giá trị số nữ trang mà M đã chiếm đoạt. Tại công văn số 03/CV ngày 17/9/2011, Công ty vàng bạc đá quý thành phố H trả lời như sau: “toàn bộ số nữ trang được làm từ đá quý gửi xem xét cùng quyết định trưng cầu, sau khi kiểm tra Công ty xác định sản phẩm được làm từ kim cương, trị giá 110.000.000 đồng tại thời điểm xem xét.” Tại Bản kết luận điều tra, Cơ quan điều tra xác định bị can Đinh Tiến G đã có hành vi trộm cắp tài sản bao gồm: 300 USD; một số đồ nữ trang làm từ đá quý trị giá 110.000.000 đồng vì vậy đề nghị Viện kiểm sát truy tố Đinh Tiến G về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 138 BLHS.

Hỏi: Theo anh (chị), quyết định trưng cầu giám định trên của Cơ quan điều tra là đúng hay sai? Tại sao?

Câu 22

Ngày 22/11/2011, Nguyễn Mạnh Q đang chấp hành hình phạt 8 năm tù tại trại giam T của Bộ Công an đặt trên địa bàn huyện P thành phố H thì bỏ trốn. Cùng ngày, Giám thị trại giam T đã ra quyết định khởi tố vụ án, quyết

định khởi tố bị can đối với Q về tội Trốn khỏi nơi giam theo quy định tại Điều 311 BLHS. Ngày 23/11/2011, sau khi tiến hành truy bắt không có kết quả, Giám thị trại giam T ra quyết định truy nã đối với Q. Ngày 28/11/2011, Cơ quan Công an quận C, thành phố H đã bắt được Nguyễn Mạnh Q và ra quyết định đình nã, sau đó thông báo cho Trại giam T biết.

Hỏi: Anh (chị) hãy nhận xét việc ra các quyết định tố tụng trong tình huống trên?

Câu 23

Ngày 13/4/2009, các bị can Nguyễn Văn A, Trần Thái B và Hoàng Đức N bị Cơ quan điều tra Công an huyện M khởi tố về tội Cưỡng đoạt tài sản. Cả ba bị can được tại ngoại. Ngày 20/5/2009, Cơ quan điều tra kết thúc điều tra và đề nghị Viện kiểm sát huyện M truy tố các bị can. Trong giai đoạn truy tố, Kiểm sát viên tiến hành triệu tập bị can, song riêng Hoàng Đức N đã 3 lần được gửi giấy triệu tập đến trụ sở Viện kiểm sát nhưng đều không có mặt.

Hỏi: Theo anh (chị), trong trường hợp này, Kiểm sát viên phải làm gì?

Câu 24

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H kết thúc điều tra, đề nghị Viện kiểm sát truy tố các bị can Nguyễn Thúy C và Đào Văn L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án Kiểm sát viên nhận thấy các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện rõ, chỉ riêng bị can Nguyễn Thúy C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn bị can Đào Văn L phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết, trong trường hợp này Kiểm sát viên phải đề xuất hướng giải quyết như thế nào? Tại sao?

PHẦN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ

Câu 25

Ngày 05/04/2007, Nguyễn Văn H là Chi Cục trưởng Chi cục thuế huyện A tỉnh X được ủy quyền làm chủ đầu tư, ký hợp đồng sửa chữa trụ sở cơ quan với ông Đỗ Văn C là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Thành Công với trị giá 520 triệu đồng. Công ty TNHH xây dựng Thành Công đã tiến hành thi công sửa chữa trụ sở Chi cục thuế huyện A và hoàn thành hợp đồng trước 15 ngày.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, Đỗ Văn C đã làm giấy xin tạm ứng tiền của Chi cục thuế huyện A tất cả 4 lần với tổng số tiền là 520 triệu đồng, đã được cho tạm ứng 3 lần với số tiền là 400 triệu đồng. Còn lần cuối vào ngày 10/7/2007 Đỗ Văn C đề nghị được thanh toán nốt là 120 triệu đồng. Trước đó, Nguyễn Văn H đã gọi Đỗ Văn C lên phòng làm việc của H và nói có tiền thanh toán rồi và bảo C viết giấy biên nhận và ký vào phiếu chi với số tiền là 120 triệu đồng thì sẽ nhận được số tiền trên. Sau khi có giấy biên nhận và chữ ký của C trong phiếu chi, D là thủ quỹ và E là kế toán của Chi cục thuế huyện A đã lên phòng làm việc và giao số tiền này cho Nguyễn Văn H. H nhận 120 triệu đồng nhưng lại không thanh toán trả số tiền này cho Đỗ Văn C. C đã nhiều lần đòi tiền nhưng được ông H là chủ đầu tư công trình thay mặt cho Chi cục thuế huyện A ký công văn trả lời là đã thanh toán đủ cho C 120 triệu đồng, sau nhiều lần đòi tiền ông H không trả C đã tố cáo với các cơ quan pháp luật. Qua điều tra xác định Nguyễn Văn H lúc đầu khai nhận do C đã ký khống vào phiếu nhận tiền nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt 120 triệu đồng. Cơ quan điều tra và VKSND huyện A đã thống nhất khởi tố vụ án, khởi tố bị can Nguyễn Văn H về tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản, sau đó vụ án được chuyển lên CQĐT tỉnh X giải quyết theo thẩm quyền, CQĐT và Viện kiểm sát tỉnh X đã thống nhất quyết định thay đổi tội danh đối với Nguyễn Văn H từ tội Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 280 BLHS sang tội Tham ô tài sản quy định tại Điều 278 BLHS. Sau khi bản án tuyên, Nguyễn Văn H kháng cáo và cho rằng mình không phạm tội “Tham ô tài sản”.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết Nguyễn Văn H phạm tội gì? Theo điều, khoản nào của BLHS? Vì sao?

Câu 26

Khoảng 20 giờ ngày 01 tháng 7 năm 2011, Đoàn Văn N, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1996 sử dụng một dao mác mũi nhọn, dài 67cm dí dao vào cổ anh Phạm Văn T đe dọa nhằm chiếm đoạt 5 triệu đồng thì bị bắt quả tang.

Hỏi: Khi xét xử Tòa án áp dụng điều, khoản nào của BLHS. Tòa án có thể xử phạt Đoàn Văn N dưới 7 năm tù không? Vì sao?

Câu 27

Hoàng Văn B bị Tòa án xử phạt 1 năm tù nhưng được hưởng án treo về tội vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, thời gian thử thách là 24 tháng. Sau 18 tháng kể từ ngày chấp hành xong bản án trên Hoàng Văn B lại phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ bị Tòa án xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng. Khi TAND huyện Y xem xét để ra quyết định thi hành án đối với B thì phát hiện B còn bị TAND huyện X xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về hành vi phạm tội trước khi bị xét xử lần thứ nhất.

Hỏi: Với tình huống nêu trên anh (chị) hãy cho biết:

- Tòa án có thể cho Hoàng Văn B hưởng án treo ba lần như tình huống nêu trên không? Tại sao?

- Việc chấp hành các bản án đối với B sẽ được giải quyết như thế nào?

Câu 28

Ngày 11/5/1994 Nguyễn Văn A bị TAND tỉnh X xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy tại khoản 4 Điều 194 BLHS. Ngày 02/7/2010 trong khi đang cải tạo lao động do mâu thuẫn trong việc phân công sản xuất tại trại giam X của Bộ Công an, Nguyễn Văn A đã đánh chết Hoàng Ngọc K. Cùng ngày A được trích xuất chuyển tạm giam để điều tra về tội giết người. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra phát hiện ngày 04/02/1986 Nguyễn Văn A bị TAND huyện N xử phạt 24 tháng tù giam về tội cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS nhưng đã bị bỏ quên chưa ra quyết định thi hành án. Ngày 16/6/2011 TAND tỉnh Y tuyên phạt Nguyễn Văn A

20 năm tù về tội giết người theo quy định tại khoản 1 Điều 93 BLHS nhưng chưa tổng hợp hình phạt. Ngày 16/7/2011 bản án sơ thẩm của TAND tỉnh Y có hiệu lực pháp luật.

Hỏi: Anh (chị) hãy nêu căn cứ pháp lý và cách tổng hợp hình phạt đối với Nguyễn Văn A trong tình huống nêu trên? Xác định thời gian Nguyễn Văn A còn phải chấp hành hình phạt tù kể từ ngày TAND tỉnh Y tuyên án?

Câu 29

Ngày 17/8/2010, Nguyễn Hải K bị TAND tỉnh H xử phạt 18 năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 3 Điều 194 BLHS. Trong thời gian tạm giam chờ thi hành án K đã đánh chết Bùi Minh D và bị TAND tỉnh H tuyên phạt 20 năm tù. Khi xem xét ra quyết định thi hành án đối với K phát hiện ngày 12/5/1986 Nguyễn Hải K còn bị TAND huyện G xử phạt 16 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản nhưng đã bị bỏ quên chưa ra quyết định thi hành án.

Hỏi: Anh (chị) hãy nêu căn cứ pháp lý và cách tổng hợp hình phạt đối với Nguyễn Hải K trong tình huống nêu trên?

Câu 30

Ngày 17/8/2011, Nguyễn Thị H bị TAND tỉnh H xử phạt 18 năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy. Khi bản án có hiệu lực pháp luật phát hiện năm 1998 Nguyễn Thị H còn bị TAND tỉnh M tuyên phạt 13 năm tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng chưa được thi hành.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết trong tình huống nêu trên thì ai là người quyết định tổng hợp hình phạt đối với Nguyễn Thị H? Việc tổng hợp hình phạt như thế nào?

Câu 31

Ngày 02/6/2010 Đặng Văn A bị TAND huyện D xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Ngày 07/3/2011 Đặng Văn A bị TAND huyện Y tuyên phạt 9 tháng cải tạo không giam giữ. Khi bản

án có hiệu lực pháp luật phát hiện trước đó năm 2009 Đặng Văn A bị TAND tỉnh H xử phạt 3 năm tù nhưng chưa chấp hành án.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết trong tình huống trên thì ai là người có thẩm quyền tổng hợp các bản án đối với Đặng Văn A? Việc tổng hợp hình phạt và buộc Đặng Văn A phải chấp hành hình phạt được thực hiện như thế nào?

Câu 32

Theo quyết định hoãn thi hành án của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh X, thì Nguyễn Văn A phạm tội trộm cắp tài sản tại khoản 2, Điều 138 BLHS được hoãn chấp hành án phạt tù 6 tháng tính đến ngày 15/5/2010. Ngày 03/5/2010 Nguyễn Thị B là vợ của A có đơn xin hoãn chấp hành hình phạt tù cho chồng, kèm theo bản sao trích lục bản án gửi Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh X. Nhưng trong đơn của chị B chưa có xác nhận của chính quyền địa phương về việc người bị kết án là người lao động duy nhất trong gia đình và nếu phải chấp hành hình phạt thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù cho A.

Căn cứ vào đơn của chị B, ngày 13/5/2010 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh X tiếp tục ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù lần thứ 2 cho A, thời gian hoãn chấp hành án phạt tù là 9 tháng kể từ ngày 16/5/2010 đến ngày 16/2/2011.

Hỏi: Là Kiểm sát viên được phân công kiểm sát vụ việc trên anh (chị) hãy nhận xét và nêu quan điểm giải quyết?

Câu 33

Ngày 20/10/2011, TAND tỉnh V nhận được hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị án Trần Thái H bị xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ và hồ sơ đề nghị giảm thời gian thử thách án treo của bị án Đinh Thị N bị xử phạt 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách là 3 năm (tương tự H) vì các bị án đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; thành thật hối cải, tích cực lao động, học tập và được cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương giao trách nhiệm trực tiếp giám sát giáo dục đề nghị bằng văn bản xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt. Bị án

Trần Thái H đã chấp hành hình phạt được 01 năm; bị án Đinh Thị N đã chấp hành hình phạt được 02 năm. Vì vậy, TAND tỉnh V đã quyết định giảm 01 năm cải tạo không giam giữ cho bị án Trần Thái H và 01 năm thử thách cho Đinh Thị N. Như vậy, cả H và N sau khi có quyết định của Tòa án đã chấp hành xong hình phạt mà TAND tỉnh V tuyên trước đó.

Hỏi: Theo anh (chị), việc xét giảm của Tòa án đối với bị án Đinh Thị N và bị án Trần Thái H là đúng hay sai? Vì sao?

Câu 34

Khoảng 13 giờ ngày 27/3/2010, Nguyễn Văn L (sinh năm 1985) trú tại xã M, huyện N, tỉnh H đang ở nhà thì nghe có tiếng máy cày chạy qua phần đất nhà L. Sau đó, L ra xem và thấy người trong gia đình anh Trần Văn T (hàng xóm của L) đã xếp đá thành hàng dài lấn qua ranh giới đất của nhà L. Do không đồng ý cho anh Trần Văn T xếp đá lấn sang ranh giới đất của mình, nên Nguyễn Văn L sang gặp vợ chồng anh T. Hai bên lời qua tiếng lại, sau đó L bỏ về nhà. Khoảng 15 phút sau L cầm một con dao rựa và một con dao Thái Lan loại nhỏ đi đến phần đất bị xếp đá lấn. L nhìn thấy anh T đang đứng bên phần đất nhà anh T, L bỏ con dao rựa xuống phần đất của gia đình mình và cầm con dao Thái Lan đi sang chỗ anh T đang đứng. Khi đến chỗ anh T thì L vừa nói vừa kéo tay anh T đến xem phần đất anh T xếp đá lấn. Anh T gạt tay L ra liền bị L dùng dao Thái Lan đâm vào bụng và vào tay anh T.

Tại bản kết luận giám định pháp y ngày 15/05/2010 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh H xác định: Tỷ lệ thương tật của anh Trần Văn T là 40%.

Bản án hình sự sơ thẩm của TAND huyện N ngày 02/08/2010 áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn L 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; buộc Nguyễn Văn L phải bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 5.334.000 đồng.

Hỏi: Theo anh (chị) quyết định của TAND huyện N trong bản án sơ thẩm nêu trên đối với Nguyễn Văn L đúng hay sai? Tại sao? Nêu hướng giải quyết?

Câu 35

Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2010, sau khi đi uống rượu bia về, Nguyễn Văn S và Lê Hải N (không rõ lai lịch) thuê xe ôm đến nhà Lê Ngọc M ở thành phố P với mục đích tìm gái để mua dâm, biết vậy, người lái xe ôm xin đi mua dâm cùng S và N. Khi đến nơi S, N và người chạy xe ôm cùng ngồi uống nước, lúc này S nói với Lê Ngọc M: “anh gọi cho em hai cô”. Tại nhà M đã có một gái bán dâm là Đào Phương A, sinh năm 1986, M nói “ở đây có một cô rồi, để tôi hỏi xem nó có đi không, thì tôi gọi thêm một cô nữa” M đi vào phòng hỏi Đào Phương A đồng ý, M tiếp tục gọi cho Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, M và T đã thỏa thuận từ trước là khi có khách thì gọi T đến. Trong khi chờ T đến thì M dẫn người chạy xe ôm vào trong nhà, M gọi Đào Phương A tiếp khách, M có đưa cho Đào Phương A bao cao su, tại phòng ngủ tầng hai nhà M để thực hiện việc mua dâm, còn N và S vẫn ngồi chờ bên dưới quán.

Khoảng 15 phút sau Nguyễn Thị T đến nhà M, M hỏi T: “Mày có lấy bao cao su không?” T nói: “có rồi, không cần” rồi cùng S đi lên phòng ngủ tầng hai nhà M để thực hiện việc mua bán dâm, trước đó S đưa cho M 500.000 đồng, M thu 360.000 đồng tiền mua dâm và 20.000 đồng tiền nước.

Khi S và T đang chuẩn bị thực hiện hành vi mua bán dâm thì Đào Phương A và người chạy xe ôm giao cầu xong, sau đó người chạy xe ôm đi về trước. Khoảng 10 phút sau Đào Phương A cùng N đi lên tầng hai và vào phòng ngủ để thực hiện việc mua bán dâm thì bị Công an thành phố P kiểm tra phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Thị T cùng Nguyễn Văn S và Đào Phương A cùng Lê Hải N đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại hai phòng ngủ tầng hai nhà ở của Lê Ngọc M. Tại nhà ở (nơi mua bán dâm) của Lê Ngọc M Cơ quan điều tra đã thu giữ nhiều bao cao su. Ngoài hành vi nêu trên Cơ quan điều tra còn xác định Lê Ngọc M trước đây đã có nhiều lần tổ chức chứa mại dâm cho các đối tượng khác nhưng chưa bị xử lý. Nhân thân Lê Ngọc M đã có 1 tiền án (ngày 04/8/2005 bị Tòa án thành phố P xử phạt 48 tháng tù về tội “chứa mại dâm” theo Khoản 2 Điều 254 BLHS).

Tại Cáo trạng số 118 ngày 26/10/2010, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Lê Ngọc M về tội “chứa mại dâm” theo Khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 117/2010/HSST ngày 23/11/2010 Tòa án

nhân dân thành phố P áp dụng Khoản 1 Điều 254; Điều 33; Điểm p Khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt: Lê Ngọc M 36 tháng tù.

Ngày 02/12/2010 Lê Ngọc M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/12/2010 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H có quyết định kháng nghị số 02/QĐ-KNPT đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án hình sự phúc thẩm số 09/2011/HSPT ngày 23/2/2011 Tòa án nhân dân tỉnh H không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H và kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với Lê Ngọc M.

Hỏi: Anh (chị) cho biết việc áp dụng pháp luật và hình phạt tại bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh H đúng hay sai? Tại sao? Nêu hướng giải quyết?

Câu 36

Ngày 01/11/2010 do không có tiền tiêu xài nên Huỳnh Văn Đông, sinh năm 1984, trú tại huyện T tỉnh C đã cầm cố chiếc xe máy để lấy tiền tiêu. Đến thời hạn chuộc xe nhưng không có tiền, nên chiều ngày 05/11/2010 khi chơi bóng chuyền với anh Bùi Văn Lâm là người cùng thôn, thấy anh Lâm có đeo sợi dây chuyền, Đông đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền chuộc xe. Đông lấy ít cát bỏ vào túi rồi đem về nhà luôn theo dõi và biết anh Lâm ngủ chỉ có một mình. Khoảng 2h ngày 06/11/2010, Đông cầm túi cát đi đến chỗ anh Lâm đang ngủ. Đông mở cửa phòng (cửa không khóa) đến giường anh Lâm, tay trái cầm túi cát, tay phải Đông giật sợi dây chuyền 3 chỉ bảy phân 06 ly vàng 18K của anh Lâm đang đeo ở cổ làm anh Lâm tỉnh dậy và giằng lại vì vậy Đông đã ném túi cát mang theo vào mặt anh Lâm và bỏ chạy. Anh Lâm đuổi theo và nhận ra Đông, gọi Đông trả dây chuyền nhưng Đông không trả và bỏ trốn. Đến 17h 05' cùng ngày thì Đông bị bắt, sợi dây chuyền đã được thu hồi trả lại cho anh Lâm nhưng thiếu 3 phân vàng 18K do bị đứt mất, anh Lâm yêu cầu Đông phải bồi thường.

Tại bản án sơ thẩm số 25/HSST ngày 18/8/2011 TAND huyện T. tỉnh

C đã tuyên xử phạt Đông 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và bản án hình sự phúc thẩm số 60/2012/HSPT ngày 27/3/2012 TAND tỉnh C giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Hỏi: Quyết định trên của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh C và bản án hình sự phúc thẩm số 60/2012 là đúng hay sai? Tại sao? Hướng giải quyết của anh (chị)?

Câu 37

Khi xét xử người chưa thành niên phạm tội, bắt buộc phải có sự tham gia của người bào chữa tại phiên tòa. Nhận định trên đúng hay sai? Tại sao?

Câu 38

Mọi quyết định của Hội đồng xét xử đều phải được thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và phải được lập thành văn bản. Nhận định trên đúng hay sai? Tại sao?

Câu 39

Tại phiên tòa sơ thẩm, khi thấy cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được, Hội đồng xét xử phải ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Nhận định trên đúng hay sai? Tại sao?

Câu 40

A vào bãi gửi xe của chị Nguyễn Thị C và có hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy của chị Lê Thanh B trị giá 15.000.000 đồng đang được gửi trong bãi trông giữ xe. Nhưng A chưa kịp tẩu thoát thì bị chị Nguyễn Thị C phát hiện bắt giữ. Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, xác định chị Lê Thanh B là người bị hại, chị Nguyễn Thị C là nhân chứng trong vụ án.

Hỏi: Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng đối với chị Nguyễn Thị C và chị Lê Thanh B của CQĐT như trên là đúng hay sai? Tại sao?

Câu 41

Bị cáo A đang bị tạm giam trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, thời hạn tạm giam trong lệnh tạm giam kết thúc vào ngày 14/5/2011. Ngày 15/4/2011, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định thay đổi biện pháp tạm giam sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Việc ra quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn trong trường hợp này là đúng hay sai? Tại sao?

Câu 42

Nguyễn Văn B (chưa bị xử phạt hành chính và chưa bị kết án) không có nghề nghiệp, bỏ nhà đi lang thang với mục đích trộm cắp tài sản, lấy tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính. Ngày 15-3-2011, Nguyễn Văn B trộm cắp được một chiếc xe đạp trị giá 800 ngàn đồng đem bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 16-3-2011, Nguyễn Văn B ra bến xe và móc túi được 550 ngàn đồng. Ngày 17-3-2011, Nguyễn Văn B phá khoá cửa của một gia đình vào trộm cắp được một số tài sản trị giá 900 ngàn đồng và bị bắt giữ. Nguyễn Văn B bị xét xử về tội trộm cắp theo khoản 2 Điều 138 BLHS với tình tiết định khung "có tính chất chuyên nghiệp", đồng thời bị áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Hỏi: Anh (chị) cho biết, việc áp dụng pháp luật trong trường hợp trên là đúng hay sai? Tại sao?

Câu 43

Ngày 03/5/2011, Viện kiểm sát truy tố bị can Trần Tiến A về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 BLHS. Hồ sơ vụ án được chuyển sang Tòa án. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa nhận thấy có đủ căn cứ để xét xử A về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 140 BLHS nên đã trả hồ sơ điều tra bổ sung, yêu cầu Viện kiểm sát thay đổi quyết định khởi tố bị can Trần Tiến A về tội danh khác.

Hỏi: Việc Tòa án trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát thay đổi quyết định khởi tố bị can là đúng hay sai. Tại sao?

Câu 44

Khi phạm tội giết người và cướp tài sản ngày 02/9/2008, Trang Duy C 14 tuổi 11 tháng 12 ngày, Nguyễn Thanh P 16 tuổi 01 tháng 12 ngày. Ngày 11/11/2011, Hội đồng xét xử đã tuyên án phạt tù đối với Trang Duy C và Nguyễn Thanh P về hai tội giết người và cướp tài sản, buộc Trang Duy C cùng gia đình ông Trang Văn H (bố đẻ Trang Duy C) bồi thường 7.325.000 đồng, Nguyễn Thanh P cùng gia đình ông Nguyễn Ngọc A (bố đẻ Nguyễn Thanh P) bồi thường 8.893.900 đồng cho người bị hại.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết, việc Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp trên là đúng hay sai? Tại sao?

Câu 45

Ngày 12/02/2011, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đối với bị can Nguyễn Văn A (sinh ngày 10/3/1995), Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phát hiện thấy trong 5 biên bản hỏi cung bị can mà nội dung lời khai giống nhau có 2 biên bản hỏi cung thể hiện, khi tiến hành hỏi cung không có sự tham gia của đại diện gia đình bị can, cũng không có biên bản về việc đại diện gia đình bị can cố ý vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung với lý do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Hỏi: Anh (chị) cho biết, việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong trường hợp này là đúng hay sai? Tại sao?

Câu 46

Ngày 27/11/2010, Nguyễn Văn A (sinh ngày 17/01/1993) bị khởi tố bị can vì có hành vi trộm cắp tài sản. Trong quá trình điều tra vụ án, A không mời người bào chữa, cũng không được CQĐT cử người bào chữa. Ngày 29/3/2011, sau khi nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa cho rằng việc không mời người bào chữa trong giai đoạn điều tra là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Hỏi: Anh (chị) có nhận xét gì về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Thẩm phán trong trường hợp nói trên?

Câu 47

Bị can Hoàng Hải Đ bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 139 BLHS. Trong giai đoạn truy tố, Đ bị áp dụng biện pháp tạm giam. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán Nguyễn Văn T được phân công chủ tọa phiên tòa đã ra quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với T bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy thiếu chứng cứ quan trọng không thể bổ sung được nên Thẩm phán T đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 179 BLTTHS quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Hỏi: Anh (chị) hãy nhận xét các quyết định của Thẩm phán Nguyễn Văn T trên đây là đúng hay sai? Tại sao ?

Câu hỏi 48

Ngày 01/4/2010, Viện kiểm sát chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng sang Tòa án huyện X để xét xử bị can Nguyễn Văn T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị can T bị áp dụng biện pháp tạm giam. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa nhận thấy các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy hành vi của T không cấu thành tội phạm. Ngày 10/5/2010, Thẩm phán ra quyết định đình chỉ vụ án, quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do cho T.

Hỏi: Theo anh (chị), việc ra các quyết định tố tụng trên đây của Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa là đúng hay sai? Tại sao?

Câu 49

Ngày 19/11/2008, Lu Văn H bán cho anh Lý Văn Đ hai con trâu (gồm một con trâu mẹ và một con nghé con 9 tháng tuổi) giá 11.200.000 đồng. Cùng ngày anh Lý Văn Đ bán lại con nghé cho anh Chu Văn Th ở thôn bên cạnh với giá 3.400.000đồng. Anh Th đem nghé về thả cùng đàn trâu của gia

đình được ba ngày thì con nghé tự quay về với đàn trâu nhà Lu Văn H đang thả ở trên đồi. Lu Văn H phát hiện con nghé đã bán quay lại đàn trâu của nhà mình nhưng không nói cho ai biết và vẫn chặn dất con nghé đó. Ngày 30/11/2008 Lu Văn H gặp Hoàng Văn X và nói với X “tôi có con nghé con bán đi nhưng nó lại quay trở về, xem có nuôi được thì nuôi, khi nào lớn bán chia nhau”. Hoàng Văn X đồng ý và dất nghé đến nhà bà Chu Thị Ng ở xã bên nhờ nuôi hộ, bà Ng đồng ý nuôi hộ con nghé của Hoàng Văn X.

Anh Chu Văn Th khi bị mất nghé thì tổ chức đi tìm và phát hiện thấy nghé của mình ở nhà bà Ng, anh Th làm đơn đề nghị cơ quan Công an giải quyết. Con nghé đã được trả lại cho anh Th. Lu Văn H đã tự nguyện bồi thường cho anh Th 2.000.000 đồng chi phí tìm kiếm nghé.

Ngày 24/12/2008 Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con nghé có trọng lượng là 127kg, trị giá là 3.810.000 đồng.

Cơ quan điều tra huyện Y đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lu Văn H về tội trộm cắp tài sản theo Điều 138 BLHS và Hoàng Văn X về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 250 BLHS. Cơ quan điều tra đã kết luận điều tra và chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát đề nghị truy tố các bị can theo tội danh và điều luật nêu trên.

Cáo trạng của VKSND huyện Y truy tố Lu Văn H theo khoản 1 Điều 138 BLHS; Hoàng Văn X theo khoản 1 Điều 250 BLHS.

Bản án hình sự sơ thẩm số 67 ngày 26/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện Y áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS; Điều 60 BLHS xử phạt Lu Văn H 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 BLHS; điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS; Điều 60 BLHS xử phạt Hoàng Văn X 7 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 14 tháng về tội “chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên bị Viện kiểm sát tỉnh L kháng nghị phúc thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 82/2009/HSPT ngày 30/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh L, chấp nhận kháng nghị của VKS, hủy bản án hình sự

sơ thẩm số 67/2009/HSST ngày 26/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện Y đề điều tra, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết việc xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh L đối với các bị cáo như trên là đúng hay sai? Vì sao?

Câu 50

Hồi 15h ngày 11/8/2009, Công an thành phố H bắt quả tang tụ điểm đánh bạc thu giữ trên chiếu bạc 33.750.000 là tiền các con bạc sử dụng để đánh bạc. Tham gia đánh bạc gồm có: Lê Minh T sinh năm 1961 có hai tiền án (ngày 15/11/2004, bị Tòa án quận B xử phạt 01 năm tù về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; ngày 27/12/2006, bị Tòa án Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội “đánh bạc”) và 09 con bạc khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 93/2010/HSST ngày 18/5/2010 của Tòa án nhân dân quận T đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Minh T 01 năm 6 tháng tù, về tội “đánh bạc”. Ngoài ra Tòa án còn tuyên mức hình phạt đối với các bị cáo khác.

Ngày 21/5/2010 bị cáo Lê Minh T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 443/2010/HSPT ngày 23/8/2010, Tòa án nhân dân thành phố H áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Minh T 01 năm, 12 ngày tù, về tội “đánh bạc”.

Hỏi: Theo anh (chị) việc Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm xử phạt đối với bị cáo Lê Minh T như trên đúng hay sai? Vì sao? Nêu hướng giải quyết?

Câu 51

Lê Minh T là lái xe của Chi nhánh công ty cổ phần sữa Việt Nam tại Hà Nội, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Vinamilk (gọi tắt là chi nhánh Vinamilk Hà Nội). Lê Minh T được giao nhiệm vụ chở hàng của Chi nhánh giao cho các đại lý và thu tiền của các đại lý bán lẻ mang về nộp cho Chi nhánh. Nếu không nộp tiền từ 3 ngày trở lên là vi phạm kỷ luật. Chu Thủy C

là thủ quỹ của Chi nhánh có nhiệm vụ thu tiền của các lái xe mang về nộp theo từng ngày, báo cáo kế toán tình hình nộp tiền của các lái xe. Việc nộp tiền giữa lái xe và thủ quỹ căn cứ vào Bảng kê thu tiền (có 2 bảng kê giống nhau, thủ quỹ giữ 1 bảng, lái xe 01 bảng)

Lê Minh T có mục đích chiếm đoạt số tiền thu từ các đại lý nên đã lợi dụng mối quan hệ thân thiết với thủ quỹ Chu Thủy C để nhờ Chu Thủy C giấu những bảng kê đi và hẹn nộp tiền sau. Từ tháng 3 đến tháng 6/2009, Chu Thủy C đã cất giấu tổng cộng 394 bảng kê với số tiền 4.854.000.000 đồng do khách hàng trả nhưng không được nộp vào Chi nhánh. Trong đó: Số tiền 1.218.000.000 đồng là Lê Minh T trực tiếp thu tiền của khách hàng; số tiền 3.636.000.000 là của các lái xe khác cùng Chi nhánh thu được của khách hàng gửi Lê Minh T mang về nộp hộ. Lê Minh T đã không nộp số tiền trên về Chi nhánh mà lấy để tiêu dùng cá nhân. Tháng 7/2009, Lê Minh T tìm gặp Chu Thủy C thỏa thuận về việc chi cho Chu Thủy C một khoản tiền để Chu Thủy C không kê khai vào sổ sách các bảng kê, Chu Thủy C đồng ý.

Tháng 9/2009, hành vi của Lê Minh T và Chu Thủy C bị kế toán của Công ty phát hiện. Sau khi bị phát hiện, Chu Thủy C đã cùng gia đình nộp lại toàn bộ số tiền 4.854.000.000 đồng cho chi nhánh Vinamilk Hà Nội (trong đó Chu Thủy C nộp 700.000.000 đồng; mẹ của Chu Thủy C nộp 4.154.000.000 đồng)

Tháng 6/2010, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Lê Minh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 140 BLHS đối với khoản tiền 3.636.000.000 đồng nhận của các lái xe cùng Chi nhánh và tội “Tham ô tài sản” theo khoản 4 Điều 278 BLHS đối với khoản tiền 1.218.000.000 đồng trực tiếp nhận của khách hàng; xét xử Chu Thủy C về tội “Cố ý làm trái qui định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 3 Điều 165 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chi nhánh Vinamilk Hà Nội là nguyên đơn dân sự trong vụ án và buộc bị cáo Lê Minh T, Chu Thủy C phải liên đới bồi thường cho Chi nhánh Vinamilk Hà Nội số tiền Tuán tham ô: 1.218.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Minh T hoàn trả cho các lái xe cùng chi nhánh số tiền 3.636.000.000 đồng và đề nghị các lái xe hoàn trả cho Chi nhánh Vinamilk Hà Nội số tiền trên.

Buộc Chi nhánh Vinamilk Hà Nội trả cho mẹ của Chu Thủy C số tiền 4.154.000.000 đồng mà bà này đã nộp để khắc phục hậu quả cho Chu Thủy C

Hỏi: Anh (chị) hãy cho biết:

1. Việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm như trên là đúng hay sai? Vì sao?

2. Việc Tòa án sơ thẩm xác định Chi nhánh Vinamilk Hà Nội là nguyên đơn dân sự là đúng hay sai? Vì sao?